

**Draft**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

## MỤC LỤC

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Bùi Ngọc Hưng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 27/12/2012 )
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 27/12/2012)
	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/12/2012)
Bà Tống Thị Xuân	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 27/12/2012)
Ông Tô Dũng	Thành viên
Ông Phạm Quang Huy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/12/2012)
Ông Bùi Văn Sơn	Thành viên
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên
Ông Phạm Quốc Anh	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trần Hải Bằng	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Xuân Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Huệ	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23/11/2012)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc

---

**Trần Hải Bằng**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 8 tháng 3 năm 2013

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 8 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 22. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2012 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

### **Cơ sở của ý kiến**

Ngoại trừ hạn chế phạm vi kiểm toán được trình bày dưới đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Hạn chế phạm vi kiểm toán**

Công ty đang theo dõi khoản tiền gửi tại Công ty cổ phần chứng khoán Golden Bride Việt Nam với số tiền là 9.016.473.904 đồng trên khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn. Chúng tôi không nhận được thư xác nhận số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 từ Công ty cổ phần chứng khoán Golden Bride Việt Nam và cũng không thực hiện được các thủ tục kiểm toán để đánh giá khả năng thu hồi của khoản đầu tư ngắn hạn nêu trên. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán về mức dự phòng giảm giá cần thiết của khoản đầu tư đầu tư tài chính ngắn hạn này và ảnh hưởng của vấn đề này tới các khoản mục liên quan trên báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)**

### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của hạn chế phạm vi kiểm toán, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

---

**Đặng Chí Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

---

**Nguyễn Anh Tuấn**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1472/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 8 tháng 3 năm 2013*  
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>75.787.041.714</b>	<b>63.484.459.504</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>49.943.104.066</b>	<b>60.240.525.714</b>
1. Tiền	111		6.943.104.066	2.240.525.714
2. Các khoản tương đương tiền	112		43.000.000.000	58.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>10.371.834.128</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10.757.754.128	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(385.920.000)	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.077.583.531</b>	<b>2.544.617.049</b>
1. Phải thu khách hàng	131		4.907.357.329	-
2. Trả trước cho người bán	132		5.299.445.928	255.000.000
3. Các khoản phải thu khác	135	6	3.962.617.211	2.289.617.049
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.091.836.937)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>350.800.000</b>	-
1. Hàng tồn kho	141		350.800.000	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.043.719.989</b>	<b>699.316.741</b>
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		681.116.540	485.500.741
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.362.603.449	213.816.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+250+260)	<b>200</b>		<b>12.428.714.897</b>	<b>25.759.006.984</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.075.046.333</b>	<b>1.285.377.888</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.058.435.909	1.271.225.810
- Nguyên giá	222		1.713.225.202	1.699.763.202
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(654.789.293)	(428.537.392)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	16.610.424	14.152.078
- Nguyên giá	228		42.874.998	29.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(26.264.574)	(14.847.922)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>11.100.000.000</b>	<b>24.295.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	10.100.000.000	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11	1.000.000.000	24.295.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>253.668.564</b>	<b>178.629.096</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	213.668.564	118.629.096
2. Tài sản dài hạn khác	268		40.000.000	60.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>88.215.756.611</b>	<b>89.243.466.488</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>800.929.242</b>	<b>1.738.675.653</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>800.929.242</b>	<b>1.687.406.060</b>
1. Phải trả người bán	312		80.500.000	48.068.260
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	78.083.969	1.314.399.339
3. Phải trả người lao động	315		245.053.374	309.600.442
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		60.261.043	15.338.019
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		337.030.856	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>51.269.593</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	51.269.593
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>87.414.827.369</b>	<b>87.504.790.835</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>87.414.827.369</b>	<b>87.504.790.835</b>
1. Vốn điều lệ	411		82.500.000.000	82.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.775.816.945	882.585.521
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		463.727.606	64.896.750
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		268.415.428	69.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		406.867.390	3.988.308.564
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>88.215.756.611</b>	<b>89.243.466.488</b>

**Đoàn Ngọc Ánh**  
Người lập biểu

**Lê Văn Duân**  
Kế toán trưởng

**Trần Hải Bằng**  
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 3 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>15</b>	10.372.966.202	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		10.372.966.202	-
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	9.503.564.685	-
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>869.401.517</b>	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	6.479.612.237	23.850.240.045
7. Chi phí tài chính	22	19	475.616.335	12.816.722.856
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.416.667	83.694.360
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.687.124.154	5.715.772.614
<b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>186.273.265</b>	<b>5.317.744.575</b>
11. Thu nhập khác	31		312.173.065	177
12. Chi phí khác	32		14.819.190	-
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>297.353.875</b>	<b>177</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>483.627.140</b>	<b>5.317.744.752</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	76.759.750	1.329.436.188
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>406.867.390</b>	<b>3.988.308.564</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>49</b>	<b>483</b>

Đoàn Ngọc Ánh  
 Người lập biểu

Lê Văn Duân  
 Kế toán trưởng

Trần Hải Bằng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>2012</b>	<b>2011 (trình bày lại)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	6.030.606.010	-
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(15.432.042.447)	(33.993.145.893)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.775.158.726)	(3.091.274.423)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(11.416.667)	(83.694.360)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.311.099.962)	(158.901.819)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.995.975.907	9.494.817.548
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.099.121.917)	(9.234.580.010)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(17.602.257.802)</b>	<b>(37.066.778.957)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(38.812.000)	(5.815.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.490.250	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(10.750.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	100.000.000	29.100.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.100.000.000)	(25.195.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	22.000.000.000	44.155.000.000
7. Tiền thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.092.157.904	8.774.240.045
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>7.304.836.154</b>	<b>56.828.424.136</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.000.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.000.000.000)	(901.000.000)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(901.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(10.297.421.648)</b>	<b>18.860.645.179</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>60.240.525.714</b>	<b>41.379.880.535</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>49.943.104.066</b>	<b>60.240.525.714</b>

**Đoàn Ngọc Ánh**  
 Người lập biểu

**Lê Văn Duẩn**  
 Kế toán trưởng

**Trần Hải Bằng**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 3 năm 2013

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Số 18, đường Nguyễn Huy Tự, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

##### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025327 ngày 17 tháng 6 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy phép điều chỉnh là 82.500.000.000 đồng.

Các cổ đông chính của Công ty bao gồm:

- Công ty cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam;
- Công ty cổ phần Chứng khoán An Phát;
- Ông Tô Dũng;
- Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí;
- Ông Hoàng Mạnh Huê;
- Ông Phạm Quốc Anh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 16 (31 tháng 12 năm 2011: 18).

##### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Giáo giục mầm non; Cho thuê xe có động cơ; Định giá công trình hạng 2; Môi giới bất động sản; Kinh doanh phương tiện phòng cháy chữa cháy; Thiết kế quy hoạch khu đô thị, khu công nghiệp; Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật; Giám sát thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp thoát nước - môi trường nước công trình xây dựng; Định giá công trình thủy lợi hạng 2; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh thiết bị các công trình xây dựng; Tư vấn đầu tư; Tư vấn quản lý dự án; Xây dựng văn phòng chung cư; Dịch vụ trông giữ xe ô tô, xe máy, xe đạp; Tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại; Quảng cáo và cách dịch vụ liên quan đến quảng cáo; Tư vấn đầu tư; Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Khai thác khoáng sản; Sản xuất và kinh doanh năng lượng; Xây dựng, kinh doanh sân golf và các dịch vụ liên quan sân golf; Kinh doanh công viên cây xanh, công viên nước, vườn trại; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, nhà hàng, dịch vụ vui chơi giải trí; Cho thuê máy móc, thiết bị công trình; San lấp mặt bằng, lắp đặt trang thiết bị và hoàn thiện công trình xây dựng dân dụng; Xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, xây dựng cảng hàng không, cảng biển, đường cao tốc.

Hoạt động chính của Công ty là: Cho thuê xe có động cơ; Kinh doanh thiết bị các công trình xây dựng; Xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp.

#### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

##### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty là âm 17.602.257.802 đồng đã dẫn tới việc nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Ban Giám đốc tin tưởng vào kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh thời gian tới sẽ tạo ra nguồn tiền để trả các khoản nợ đến hạn và sự tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính và hoạt động của các cổ đông chính của Công ty khi cần thiết cho tới khi Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để tự tài trợ cho hoạt động của mình. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đầu tư vào công ty con**

Các khoản đầu tư vào công ty con là các khoản đầu tư mà Công ty mẹ có quyền kiểm soát các công ty mà Công ty mẹ đã đầu tư. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá gốc.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư ngắn hạn, đầu tư dài hạn và tài sản dài hạn khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị quản lý	3 - 4

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của phần mềm và tài sản cố định vô hình khác của Công ty, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Phần mềm	4
Tài sản cố định vô hình khác	2 - 3

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hợp đồng xây dựng (Tiếp theo)**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Trong năm, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do không phát sinh khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**Số 18, đường Nguyễn Huy Tự, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.441.099.234	1.241.216.482
Tiền gửi ngân hàng	5.502.004.832	999.309.232
Các khoản tương đương tiền (*)	43.000.000.000	58.000.000.000
	<b><u>49.943.104.066</u></b>	<b><u>60.240.525.714</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn (*)	10.757.754.128	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	<b>(385.920.000)</b>	-
<b>Cộng</b>	<b><u>10.371.834.128</u></b>	<b><u>-</u></b>

(\*) Đầu tư ngắn hạn bao gồm khoản tiền gửi để mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam với tổng số tiền là 9.016.473.904 đồng.

Ngày 15 tháng 11 năm 2012, Công ty đã gửi đơn khiếu nại lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước đề nghị hỗ trợ giải quyết việc thu hồi khoản tiền gửi tại Công ty cổ phần Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam. Công ty chưa xem xét đánh giá trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn đối với khoản đầu tư ngắn hạn nêu trên.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

Chủ yếu bao gồm giá trị của khoản phải thu từ việc thanh lý dự án Khu phố Châu Âu bên bờ Sông Cầu, tại thành phố Thái Nguyên hợp tác cùng Công ty Cổ phần Bất động sản Khoáng sản Dầu khí Việt Nam với số tiền là 2.183.673.873 đồng và giá trị khoản rút đầu tư góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/2011/HĐHT ngày 18 tháng 4 năm 2011 với Công ty Cổ phần Đầu tư, tư vấn kiến trúc và Xây dựng Quốc tế phải thu với số tiền là 1.295.000.000 đồng.

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
<b>Hàng tồn kho</b>		
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	350.800.000	-
	<b><u>350.800.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 phản ánh chi phí thuê tư vấn luật và các chi phí khác liên quan đến việc thu hồi vốn góp vào dự án khu biệt thự nghỉ dưỡng Quảng Nam hợp tác đầu tư cùng Công ty cổ phần Đầu tư, Tư vấn kiến trúc và Xây dựng Quốc tế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**Số 18, đường Nguyễn Huy Tự, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	1.581.314.286	118.448.916	1.699.763.202
Tăng trong năm	-	38.812.000	38.812.000
Giảm do thanh lý	-	(25.350.000)	(25.350.000)
Tại ngày 31/12/2012	<u>1.581.314.286</u>	<u>131.910.916</u>	<u>1.713.225.202</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	395.328.576	33.208.816	428.537.392
Trích khấu hao	197.664.288	39.156.111	236.820.399
Giảm do thanh lý	-	(10.568.498)	(10.568.498)
Tại ngày 31/12/2012	<u>592.992.864</u>	<u>61.796.429</u>	<u>654.789.293</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2012	<u><b>988.321.422</b></u>	<u><b>70.114.487</b></u>	<u><b>1.058.435.909</b></u>
Tại ngày 31/12/2011	<u><b>1.185.985.710</b></u>	<u><b>85.240.100</b></u>	<u><b>1.271.225.810</b></u>

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 1/1/2012	19.000.000	10.000.000	29.000.000
Tăng trong năm	-	20.000.000	20.000.000
Giảm khác	-	(6.125.002)	(6.125.002)
Tại ngày 31/12/2012	<u><b>19.000.000</b></u>	<u><b>23.874.998</b></u>	<u><b>42.874.998</b></u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 1/1/2012	9.104.159	5.743.763	14.847.922
Trích trong năm	4.749.996	6.666.656	11.416.652
Tại ngày 31/12/2012	<u><b>13.854.155</b></u>	<u><b>12.410.419</b></u>	<u><b>26.264.574</b></u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2012	<u><b>5.145.845</b></u>	<u><b>11.464.579</b></u>	<u><b>16.610.424</b></u>
Tại ngày 31/12/2011	<u><b>9.895.841</b></u>	<u><b>4.256.237</b></u>	<u><b>14.152.078</b></u>

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Mỹ Khê	10.100.000.000	-
	<u><b>10.100.000.000</b></u>	<u><b>-</b></u>

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng về việc dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Mỹ Khê trên cơ sở báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Mỹ Khê. Ban Giám đốc Công ty khẳng định các khoản đầu tư này không bị suy giảm giá trị nên Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn tại thời điểm kết thúc năm tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**Số 18, đường Nguyễn Huy Tự, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Mỹ Khê	Thành phố Đà Nẵng	90	90	Kinh doanh khách sạn và tour du lịch

**11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Góp vốn cổ phần (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	23.295.000.000
	<u>1.000.000.000</u>	<u>24.295.000.000</u>

(\*) Phản ánh khoản góp vốn mua cổ phần của Công ty Cổ phần Bất động sản Khoáng sản Dầu khí Việt Nam với giá trị 1.000.000.000 đồng, tương đương 100.000 cổ phần và chiếm 4% vốn điều lệ của bên nhận đầu tư.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng về việc dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Khoáng sản Dầu khí Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty khẳng định các khoản đầu tư này không bị suy giảm giá trị nên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	213.668.564	118.629.096
	<u>213.668.564</u>	<u>118.629.096</u>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	76.759.750	1.311.099.962
Thuế thu nhập cá nhân	1.324.219	3.299.377
	<u>78.083.969</u>	<u>1.314.399.339</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**Số 18, đường Nguyễn Huy Tự, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	82.500.000.000	658.888.743	48.000.000	48.000.000	421.696.778	83.676.585.521
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.988.308.564	3.988.308.564
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	223.696.778	42.000.000	21.000.000	(286.696.778)	-
Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, và Thư ký	-	-	-	-	(51.000.000)	(51.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(84.000.000)	(84.000.000)
Chi quỹ	-	-	(25.103.250)	-	-	(25.103.250)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2012</b>	<b>82.500.000.000</b>	<b>882.585.521</b>	<b>64.896.750</b>	<b>69.000.000</b>	<b>3.988.308.564</b>	<b>87.504.790.835</b>
<b>Tăng trong năm</b>						
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	406.867.390	406.867.390
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	2.893.231.424	398.830.856	199.415.428	(3.491.477.708)	-
Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, và Thư ký	-	-	-	-	(98.000.000)	(98.000.000)
Trích quỹ phúc lợi	-	-	-	-	(398.830.856)	(398.830.856)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2012</b>	<b>82.500.000.000</b>	<b>3.775.816.945</b>	<b>463.727.606</b>	<b>268.415.428</b>	<b>406.867.390</b>	<b>87.414.827.369</b>

Lợi nhuận năm 2011 được phân phối theo phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2011 và được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 127/NQ-DHĐCĐ-PVCI ngày 27 tháng 12 năm 2012.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 82.500.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông như sau:

	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi		Vốn đã góp đến ngày 31/12/2012	Vốn đã góp đến ngày 31/12/2011
	VND	%	VND	VND
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (nhận chuyển nhượng từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam)	15.000.000.000	18,18	18.350.000.000	18.350.000.000
Ông Tô Dũng	15.000.000.000	18,18	10.000.000.000	15.000.000.000
Các cổ đông khác	52.500.000.000	63,64	54.150.000.000	49.150.000.000
	<b>82.500.000.000</b>	<b>100</b>	<b>82.500.000.000</b>	<b>82.500.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2012	31/12/2011
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.250.000	8.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.250.000	8.250.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.250.000	8.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.250.000	8.250.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	7.830.026.203	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	710.203.636	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.832.736.363	-
	<b>10.372.966.202</b>	<b>-</b>

**16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn bán hàng hóa	7.255.633.250	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	499.171.971	-
Giá vốn hoạt động xây dựng	1.748.759.464	-
	<b>9.503.564.685</b>	<b>-</b>

**17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.259.586.534	237.842.672
Chi phí nhân công	3.016.981.509	3.347.213.711
Chi phí khấu hao tài sản cố định	261.528.304	235.825.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.418.179.599	1.883.502.397
Chi phí khác	3.234.412.893	11.388.000
	<b>16.190.688.839</b>	<b>5.715.772.614</b>

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	6.479.612.237	8.850.240.045
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	15.000.000.000
	<b>6.479.612.237</b>	<b>23.850.240.045</b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	11.416.667	83.694.360
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư	-	12.703.317.794
Chi phí tài chính khác	464.199.668	29.710.702
	<b>475.616.335</b>	<b>12.816.722.856</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**Số 18, đường Nguyễn Huy Tự, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	483.627.140	5.317.744.752
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(45.000.000)	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>438.627.140</b>	<b>5.317.744.752</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>109.656.785</b>	<b>1.329.436.188</b>
Giảm thuế (*)	32.897.035	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>76.759.750</u></b>	<b><u>1.329.436.188</u></b>

(\*) Hiện tại Công ty đang áp dụng Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012 hướng dẫn Nghị định 60/2012/NĐ-CP ngày 30/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 29/2012/QH2013 của Quốc hội ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân, và đang kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp với mức giảm 30%. Tuy nhiên Công ty chưa nhận được văn bản chính thức nào từ cơ quan quản lý thuế trực tiếp về việc Công ty thuộc đối tượng được miễn giảm thuế theo Thông tư 140. Kết quả cuối cùng thuộc về cơ quan quản lý thuế trực tiếp tại địa phương.

**21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>406.867.390</b>	<b>3.988.308.564</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	8.250.000	8.250.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b><u>49</u></b>	<b><u>483</u></b>

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**Số 18, đường Nguyễn Huy Tự, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.943.104.066	60.240.525.714
Đầu tư ngắn hạn	10.371.834.128	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.778.137.603	2.289.617.049
Đầu tư dài hạn khác	1.000.000.000	24.295.000.000
Tài sản dài hạn khác	40.000.000	60.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>69.133.075.797</b>	<b>86.885.142.763</b>
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	110.500.000	50.583.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>110.500.000</b>	<b>50.583.000</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**Số 18, đường Nguyễn Huy Tự, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>31/12/2012</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.943.104.066	-	49.943.104.066
Đầu tư ngắn hạn	10.371.834.128	-	10.371.834.128
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.778.137.603	-	7.778.137.603
Đầu tư dài hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	40.000.000	-	40.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>69.133.075.797</b>	<b>-</b>	<b>69.133.075.797</b>
<b>31/12/2012</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	110.500.000	-	110.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>110.500.000</b>	<b>-</b>	<b>110.500.000</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>69.022.575.797</b>	<b>-</b>	<b>69.022.575.797</b>
<b>31/12/2011</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.240.525.714	-	60.240.525.714
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.289.617.049	-	2.289.617.049
Đầu tư dài hạn	24.295.000.000	-	24.295.000.000
Ký cược ký quỹ	60.000.000	-	60.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>86.885.142.763</b>	<b>-</b>	<b>86.885.142.763</b>
<b>31/12/2011</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	50.583.000	-	50.583.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.583.000</b>	<b>-</b>	<b>50.583.000</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>86.834.559.763</b>	<b>-</b>	<b>86.834.559.763</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc

**Ban giám đốc**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	548.366.296	638.059.862

**Hội đồng quản trị**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	324.000.000	98.000.000

**24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	475.015.000	660.000.000
	<u>475.015.000</u>	<u>660.000.000</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

Tổng số tiền thuê 84 m<sup>2</sup> tại số 18, đường Nguyễn Huy Tự, Hai Bà Trưng, Hà Nội với giá thuê 260.625 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 2 năm tính từ năm 2012.

**25. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**Số 18, đường Nguyễn Huy Tự, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)**

Một số số liệu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được phân loại lại. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Trước trình bày lại	Sau trình bày lại	Chênh lệch VND
		năm 2011 VND	năm 2011 VND	
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	25.436.090.045	-	25.436.090.045
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(14.507.338.823)	(33.993.145.893)	19.485.807.070
Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.034.521.422)	(3.091.274.423)	56.753.001
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.712.331.630	9.494.817.548	2.217.514.082
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(18.687.435.818)	(9.234.580.010)	(9.452.855.808)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>676.529.433</b>	<b>(37.066.778.957)</b>	<b>37.743.308.390</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(633.750.000.000)	-	(633.750.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	642.850.000.000	29.100.000.000	613.750.000.000
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(26.000.816.086)	(25.195.000.000)	(805.816.086)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	27.229.879.696	44.155.000.000	(16.925.120.304)
Tiền thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.761.868.045	8.774.240.045	(12.372.000)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>19.085.115.746</b>	<b>56.828.424.136</b>	<b>(37.743.308.390)</b>

---

**Đoàn Ngọc Ánh**  
 Người lập biểu

---

**Lê Văn Duẩn**  
 Kế toán trưởng

---

**Trần Hải Bằng**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 3 năm 2013